

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**MẪU B 01-DN**

Ngày 30 tháng 09 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2016	31/12/2015
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		136.661.493.384	1.372.285.489.831
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.954.320.227	389.875.883.851
1. Tiền	111		1.954.320.227	22.875.883.851
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	367.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	2.661.000.000	9.610.311.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		2.925.000.000	10.632.280.522
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(264.000.000)	(1.021.969.522)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.3	107.892.035.398	948.605.209.885
1. Phải thu khách hàng	131		35.545.779.744	150.515.303.746
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		33.308.419.223	395.691.719.852
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		12.000.000.000	147.474.200.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	37.460.934.995	264.848.733.897
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(10.423.098.564)	(9.924.747.610)
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	21.033.841.192	21.033.841.192
1. Hàng tồn kho	141		21.033.841.192	21.033.841.192
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.120.296.567	3.160.243.903
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		56.000.000	8.000.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.032.212.676	3.120.160.012
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153		32.083.891	32.083.891
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		1.507.502.844.809	433.063.312.638
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
II. Tài sản cố định	220	V.6	75.780.095	199.986.709
1. Tài sản cố định hữu hình	221		75.780.095	160.454.451
- Nguyên giá	222		3.490.611.849	3.490.611.849
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(3.414.831.754)	(3.330.157.398)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	-	39.532.258
- Nguyên giá	228		675.311.099	675.311.099
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(675.311.099)	(635.778.841)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.8	-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.9	11.003.624.811	11.003.624.811
1. Chi phí sản xuất, KD dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		11.003.624.811	11.003.624.811
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	1.496.423.439.903	421.859.701.118
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.460.340.400.000	260.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.11	38.000.000.000	164.240.643.620
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(1.916.960.097)	(2.380.942.502)
VI. Tài sản dài hạn khác	260	V.12	-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.644.164.338.193	1.805.348.802.469

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**MẪU B 01-DN**

Ngày 30 tháng 09 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2016	31/12/2015
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		6.577.524.926	168.859.608.622
I. Nợ ngắn hạn	310		6.577.524.926	168.859.608.622
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	1.414.311.848	2.256.466.615
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		152.918.854	96.972.955.180
3. Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	631.145.549	8.744.414.926
4. Phải trả người lao động	314		80.936.607	106.427.994
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	162.047.664	150.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	561.486.311	630.080.474
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	2.615.632.427	59.496.217.767
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		959.045.666	503.045.666
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
6. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
7. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
8. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400		1.637.586.813.267	1.636.489.193.847
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	1.637.586.813.267	1.636.489.193.847
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		49.666.628.000	49.666.628.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(32.582.949.816)	(32.582.949.816)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		120.503.135.083	119.405.515.663
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		118.905.515.663	34.136.010.377
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.597.619.420	85.269.505.286
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		1.644.164.338.193	1.805.348.802.469

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 30 tháng 09 năm 2016

MẪU B 01-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư; hàng hóa nhận giữ hộ; nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)		252.95	252.95
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Quảng Nam; ngày 29 tháng 10 năm 2016



Vũ Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Lê Khiếu Phương
Kế toán trưởng

Trương Văn Thịnh
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý III năm 2016

MẪU B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu cung cấp hàng hóa và dịch vụ	01	VI.1	-	80.235.040.000	965.247.250.000	280.640.313.900
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần từ hàng hóa và dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.1	-	80.235.040.000	965.247.250.000	280.640.313.900
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	-	80.466.590.850	965.550.500.000	280.695.018.200
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV (20 = 10 - 11)	20		-	(231.550.850)	(303.250.000)	(54.704.300)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	16.066.657.886	4.121.811.569	39.506.549.611	106.227.493.488
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.4	27.421.421.315	1.776.155.969	32.436.126.598	27.901.721.312
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		926.283.175	1.983.507.675	1.756.137.868	4.488.719.182
8. Chi phí bán hàng	24		61.897.191	50.000.000	128.872.906	393.489.090
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(1.495.822.648)	1.390.711.788	3.486.281.712	3.232.404.250
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30	VI.5	(9.920.837.972)	673.392.962	3.152.018.395	74.645.174.536
11. Thu nhập khác	31		-	-	-	839.386.795
12. Chi phí khác	32		763.126.936	20.828.109	923.995.296	45.138.928
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(763.126.936)	(20.828.109)	(923.995.296)	794.247.867
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(10.683.964.908)	652.564.853	2.228.023.099	75.439.422.403
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	(1.300.283.447)	176.574.278	630.403.679	4.503.541.791
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(9.383.681.461)	475.990.575	1.597.619.420	70.935.880.612
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	(63)	5	11	857

Quảng Nam, ngày 29 tháng 10 năm 2016



Vũ Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Lê Khiếu Phương
Kế toán trưởng

Trương Văn Thịnh
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý III năm 2016

MẪU B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	1	2.228.023.099	75.439.422.403
Điều chỉnh cho các khoản:		-	-
Khấu hao TSCĐ	2	124.206.614	733.049.977
Các khoản dự phòng	3	1.526.399.027	15.611.386.170
Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4	-	-
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(4.748.737.355)	(102.990.249.695)
Chi phí lãi vay	6	5.231.566.936	4.488.719.182
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn	8	4.361.458.321	(6.717.671.963)
Tăng giảm các khoản phải thu	9	326.664.967.608	(243.555.209.371)
Tăng giảm hàng tồn kho	10	-	(20.652.500.342)
Tăng giảm các khoản phải trả	11	(103.857.530.352)	38.228.708.559
Tăng giảm chi phí trả trước	12	(48.000.000)	-
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	122.947.924.142	(32.713.163.478)
Tiền lãi vay đã trả	14	(7.346.702.679)	(720.081.535)
Thuế TNDN đã nộp	15	(8.810.637.626)	(6.000.000.000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(20.000.000)	(12.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	333.891.479.414	(272.141.918.130)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(7.898.050.411)	-
Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(147.969.000.000)	(401.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	295.443.200.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(978.308.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	156.350.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	17.449.392.713	216.141.967
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(664.932.457.698)	(400.783.858.033)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp (*)	31	-	749.999.120.000
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	171.177.252.128	50.875.028.927
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(228.057.837.468)	(60.019.957.400)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(56.880.585.340)	740.854.191.527
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(387.921.563.624)	67.928.415.364
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	389.875.883.851	57.031.518.675
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	727.483
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	1.954.320.227	124.960.661.522

Quảng Nam; ngày 29 tháng 10 năm 2016



Vũ Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Lê Khiếu Phương
Kế toán trưởng

Trương Văn Thịnh
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

MÃU B 09-DN

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 33030700039 ngày 14 tháng 07 năm 2003 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam (từ ngày thành lập đến nay Công ty đã có 15 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 25 tháng 11 năm 2015 với giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới số 4000386181). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập; hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp. Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất dây cáp; sợi cáp quang học; Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại; Sản xuất; truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: thủy điện, sản xuất điện khác (điện phong)...); Sản xuất sản phẩm từ plastic (Chi tiết: sản xuất ống nhựa cứng, ống nhựa mềm); Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, kỹ thuật; Kinh doanh bất động sản; quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Khai thác đá; cát; sỏi; đất sét; Trồng cây cao su; Khai thác gỗ; Khai thác quặng đồng; Khai thác quặng sắt; Sản xuất linh kiện điện tử (Chi tiết: sản xuất các thiết bị điện thoại); Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (Chi tiết: bán buôn các thiết bị điện tử, viễn thông, thiết bị điện tử điều khiển, thiết bị phát sóng, linh kiện điện thoại); Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ; Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Sản xuất sản phẩm khác từ plastic; Sản xuất bột giấy, giấy và bia; Sản xuất sản phẩm chịu lửa; Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Sản xuất cao su tổng hợp dạng nguyên sinh; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Bán buôn thiết bị điện lạnh, điện cơ; Sản xuất phân bón và hợp chất ni to; Bán buôn giấy các loại; Hoạt động viễn thông có dây; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Hoạt động viễn thông không dây; Tìm kiếm, thăm dò, khai thác khoáng sản (trừ khoáng sản cấm)...

Trụ sở chính Công ty tại: Thôn Phú Sơn; Xã Ba; Huyện Đông Giang; Quảng Nam.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm; các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 Năm 2014 Bộ Tài chính; các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi; bổ sung; hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn; Xã Ba; Huyện Đông Giang; Tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHỦ YẾU

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định khác về kế toán hiện hành tại Việt Nam.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ; tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; các khoản phải thu; tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu; tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua; phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền; các khoản đầu tư ngắn hạn; phải thu khách hàng; các khoản phải thu khác và ký quỹ ngắn hạn.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ ngắn hạn và phải trả người bán.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn; Xã Ba; Huyện Đông Giang; Tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng; có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua; chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Máy móc, thiết bị	6 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 – 6
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5
Tài sản cố định khác	3 – 7

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn; Xã Ba; Huyện Đông Giang; Tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

Nguyên giá là Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ các khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng với các chi phí cho đền bù; giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ....

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không tính khấu hao.

Các tài sản cố định vô hình khác là phần mềm kế toán được phân ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình này được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loai tài sản</u>	<u>Số năm</u>
Phần mềm máy tính	3

9. Bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá của bất động sản đầu tư nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn thể hiện các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

12. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

14. Nguồn vốn kinh doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn; Xã Ba; Huyện Đông Giang; Tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận còn lại tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán từ các hoạt động kinh doanh của Công ty.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay

Lãi tiền gửi ngân hàng; lãi cho vay được ghi nhận khi tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập; ngoài trừ cổ tức ghi nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

16. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn; Xã Ba; Huyện Đông Giang; Tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó; thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

18. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty trước khi trích lập quỹ khen thưởng; phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

19. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền	Đơn vị tính: VND	
	30/09/2016	31/12/2015
Tiền mặt	534.207.563	1.168.669.446
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.420.112.664	21.707.214.405
Các khoản tương đương tiền	-	367.000.000.000
Cộng	1.954.320.227	389.875.883.851

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn; Xã Ba; Huyện Đông Giang; Tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	<u>30/09/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Phải thu ngắn hạn khách hàng	35.545.779.744	150.515.303.746
Phải thu dài hạn hạn khách hàng	-	-
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	-
Cộng	<u>35.545.779.744</u>	<u>150.515.303.746</u>

3. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>30/09/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Chứng khoán kinh doanh		
Cổ phiếu	2.925.000.000	10.632.280.522
Cộng	<u>2.925.000.000</u>	<u>10.632.280.522</u>
Dự phòng giảm giá cổ phiếu (i)	(264.000.000)	(1.021.969.522)
Chứng khoán kinh doanh thuần	<u>2.661.000.000</u>	<u>9.610.311.000</u>

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>30/09/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Công ty CP Công nghiệp Cao su Quảng Nam	110.014.003	17.031.958.447
Công ty CP Đầu tư DEVELUYN	-	5.620.869.241
Phải thu về chuyển nhượng CP Cty CP DEVELUYN	-	100.000.000.000
Tạm ứng	-	1.100.789.917
Cầm cố; ký quỹ; ký cược ngắn hạn	33.000.000	134.048.958
Cty CP Khoáng sản Quảng Nam	52.302.659	133.586.586.220
Phải thu lãi cho vay ngắn hạn	-	6.139.972.221
Phải thu về chuyển nhượng Cty CP Thủy Sản Viễn Đông	36.600.000.000	-
Phải thu khác	665.618.333	1.234.508.893
Cộng	<u>37.460.934.995</u>	<u>264.848.733.897</u>

Phải thu là các bên có liên quan

	<u>30/09/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Cty CP Khoáng sản Quảng Nam	52.302.659	133.586.586.220
Công ty CP Công nghiệp Cao su Quảng Nam	110.014.003	17.031.958.447

5. Hàng tồn kho

	<u>30/09/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Nguyên liệu, vật liệu	-	-
Hàng hóa	21.033.841.192	21.033.841.192
Cộng	<u>21.033.841.192</u>	<u>21.033.841.192</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn; Xã Ba; Huyện Đông Giang; Tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải truyền đẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu kỳ	-	1.279.988.531	305.877.168	-	1.904.746.150	3.490.611.849
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	-	-	-	-
<i>Giảm khác (*)</i>	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	-	1.279.988.531	305.877.168	-	1.904.746.150	3.490.611.849
Giá trị mòn lũy kế						
Số đầu kỳ	-	1.126.599.109	298.812.139	-	1.904.746.150	3.330.157.398
Tăng trong kỳ	-	77.609.327	7.065.029	-	-	84.674.356
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	-	77.609.327	7.065.029	-	-	84.674.356
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	-	-	-	-
<i>Giảm khác</i>	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	-	1.204.208.436	305.877.168	-	1.904.746.150	3.414.831.754
Giá trị còn lại						
Số đầu kỳ	-	153.389.422	7.065.029	-	-	160.454.451
Số cuối kỳ	-	75.780.095	-	-	-	75.780.095

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm 30/09/2016 là 2.156.986.955 đồng.

Giá trị còn lại của TSCĐ cầm cố, thế chấp tại thời điểm 30/09/2016 là 0 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

7. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	-	675.311.099	675.311.099
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	-	675.311.099	675.311.099
Giá trị mòn lũy kế			
Số đầu kỳ	-	635.778.841	635.778.841
Tăng trong kỳ	-	39.532.258	39.532.258
Khấu hao trong kỳ	-	39.532.258	39.532.258
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	-	675.311.099	675.311.099
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	-	39.532.258	39.532.258
Số cuối kỳ	-	-	-

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/09/2016	31/12/2015
Bất động sản đầu tư (KCN An Lưu)	8.910.019.214	8.910.019.214
Dự án Khoáng sản	1.735.222.514	1.735.222.514
Dự án tái chế nhựa	86.358.000	86.358.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	272.025.083	272.025.083
Cộng	11.003.624.811	11.003.624.811

9. Đầu tư vào Công ty con

	30/09/2016	31/12/2015
Công ty CP Khoáng sản Quảng Nam	627.000.000.000	60.000.000.000
Công ty CP Công nghiệp Cao su Quảng Nam	200.000.000.000	200.000.000.000
Công ty CP Phát triển BĐS Tây Hồ Tây	633.340.400.000	-
Cộng	1.460.340.400.000	260.000.000.000

10. Đầu tư vào Công ty liên kết

	30/09/2016	31/12/2015
Cty CP Thủy sản Viễn Đông	38.000.000.000	-
Cổ phiếu Công ty CP Cao su Sao Vàng	-	115.240.643.620
Công ty CP Develuyn	-	49.000.000.000
Cộng	38.000.000.000	164.240.643.620
Dự phòng giảm giá cổ phiếu (i)	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết thuần	38.000.000.000	164.240.643.620

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn; Xã Ba; Huyện Đông Giang; Tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

11. Vay và nợ ngắn hạn

	30/09/2016	31/12/2015
Vay ngắn hạn	2.615.632.427	59.496.217.767
Vay ký quỹ	2.615.632.427	59.496.217.767
Cộng	2.615.632.427	59.496.217.767

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/09/2016	31/12/2015
Phải trả người bán ngắn hạn	1.414.311.848	2.256.466.615
Phải trả người bán dài hạn	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan	1.414.311.848	-
Cộng	1.414.311.848	2.256.466.615

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/09/2016	31/12/2015
Thuế thu nhập doanh nghiệp	630.403.679	8.692.218.531
Thuế thu nhập cá nhân	741.870	13.145.145
Các khoản phí; lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	39.051.250
Cộng	631.145.549	8.744.414.926

14. Chi phí phải trả

	30/09/2016	31/12/2015
Lãi vay phải trả	-	-
Chi phí phải trả khác	162.047.664	150.000.000
Cộng	162.047.664	150.000.000

15. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	30/09/2016	31/12/2015
Kinh phí công đoàn	47.646.783	49.433.158
Bảo hiểm xã hội; y tế; TN	6.166.067	-
Các khoản phải trả; phải nộp khác	507.673.461	580.647.316
Cộng	561.486.311	630.080.474

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn; Xã Ba; Huyện Đông Giang; Tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

16. Vốn chủ sở hữu

Tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	750.000.000.000	49.844.528.000	-	34.636.010.377	834.480.538.377
Tăng trong năm	750.000.000.000	(177.900.000)	(32.582.949.816)	-	749.822.100.000
Tăng vốn trong năm	750.000.000.000	-	(32.582.949.816)	-	717.417.050.184
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	85.269.505.286	85.269.505.286
Giảm trong năm	-	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Số cuối năm trước/Số đầu năm nay	1.500.000.000.000	49.666.628.000	(32.582.949.816)	118.905.515.663	1.635.989.193.847
Tăng trong kỳ	-	-	-	1.597.619.420	1.597.619.420
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	1.597.619.420	1.597.619.420
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	1.500.000.000.000	49.666.628.000	(32.582.949.816)	120.503.135.083	1.637.586.813.267

Cổ phiếu

	30/09/2016	31/12/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	150.000.000	150.000.000
Cổ phiếu phổ thông	150.000.000	150.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	4.010.230	4.010.230
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	145.989.770	145.989.770
Cổ phiếu phổ thông	150.000.000	150.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu quỹ	4.010.230	4.010.230

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn; Xã Ba; Huyện Đông Giang; Tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
Tổng doanh thu	-	80.235.040.000	965.247.250.000	280.640.313.900
Trong đó:				
Doanh thu bán hàng	-	80.235.040.000	965.247.250.000	280.640.313.900
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-	-	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
Hàng bán bị trả lại	-	-	-	-
Doanh thu thuần	-	80.235.040.000	965.247.250.000	280.640.313.900

2. Giá vốn hàng bán

	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
Giá vốn hàng bán	-	80.466.590.850	965.550.500.000	280.695.018.200
Giá vốn dịch vụ	-	-	-	-
Cộng	-	80.466.590.850	965.550.500.000	280.695.018.200

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
Lãi tiền gửi; cho vay	7.730.206	3.621.378.689	12.678.936.931	4.836.347.362
Lãi CLTG đã thực hiện	-	432.080	-	-
Cổ tức; lợi nhuận được chia	-	-	3.418.685.000	55.467.569.000
Lãi từ chuyển nhượng vốn	16.058.927.680	500.000.000	23.408.927.680	45.922.950.000
Chiết khấu thanh toán	-	-	-	-
Cộng	16.066.657.886	4.121.810.769	39.506.549.611	106.226.866.362

4. Chi phí tài chính

	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí lãi vay	926.283.175	1.983.507.675	4.828.534.877	4.488.719.182
Lỗ CLTG đã thực hiện	-	-	-	-
Lỗ do bán chứng khoán	26.142.980.300	3.914.364.000	28.039.548.222	3.914.364.000
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(4.291.393.755)	(1.221.951.927)	19.245.180.327
Chi phí tài chính khác	352.157.840	169.678.049	789.995.426	253.457.803
Cộng	27.421.421.315	1.776.155.969	32.436.126.598	27.901.721.312

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn; Xã Ba; Huyện Đông Giang; Tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý III/2016	Quý III/2015
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(10.683.964.908)	652.564.853
Điều chỉnh tăng	923.995.296	150.045.502
Điều chỉnh giảm	-	-
Lỗi các năm trước chuyển sang	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	(9.759.969.612)	802.610.355
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	176.574.278
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	176.574.278

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Quý III/2016	Quý III/2015
Lợi nhuận kế toán sau thuế	(9.383.681.461)	475.990.575
Các điều chỉnh để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(9.383.681.461)	475.990.575
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	150.000.000	99.456.522
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(63)	5

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố:

	Quý III/2016	Quý III/2015
Chi phí nguyên liệu; vật liệu	-	164.726.487
Chi phí nhân công	370.543.935	642.808.812
Chi phí khấu hao tài sản cố định	32.903.426	491.514.325
Chi phí dịch vụ mua ngoài	104.343.346	737.688.481
Chi phí khác	783.955.045	936.197.388
Cộng	1.291.745.752	2.972.935.493

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn; Xã Ba; Huyện Đông Giang; Tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP Khoáng sản Quảng Nam	Công ty con
Công ty CP Công nghiệp cao su Quảng Nam	Công ty con
Công ty CP Phát triển BĐS Tây Hồ Tây	Công ty con

Giao dịch với các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Giá trị (VND)</u>
Công ty CP Công nghiệp cao su Quảng Nam	Phải thu khác	110.014.003
Công ty CP Khoáng sản Quảng Nam	Phải thu khác	52.302.659

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm như sau:

	<u>Quý III/2016</u>	<u>Quý III/2015</u>
Lương; thưởng	120.000.000	120.000.000
Cộng	120.000.000	120.000.000

2. Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chủ yếu theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty có hoạt động kinh doanh thương mại tại trụ sở chính của công ty mẹ là tỉnh Quảng Nam

Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong Quý Công ty không có doanh thu nên không làm báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

3. Giải trình chênh lệch kết quả hoạt động kinh doanh Quý III/2016 do với cùng kỳ năm trước:

Đơn vị tính: VND

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Quý III/2016</u>	<u>Quý III/2015</u>	<u>Chênh lệch</u>	<u>% tăng/giảm</u>
Lợi nhuận sau thuế	(9.383.681.461)	475.990.575	(9.859.672.036)	(1.971)
Doanh thu hoạt động tài chính	16.066.657.886	4.121.811.569	11.944.846.317	390
Chi phí tài chính	27.421.421.315	1.776.155.969	25.645.265.346	1.544

Lợi nhuận sau thuế của Quý III/2016 lỗ 9.383.681.461 đồng.; giảm hơn 9 tỷ so với Quý III/2015; nguyên nhân chủ yếu là do chi phí tài chính Quý III/2016 tăng 25 tỷ so với Quý III/2015 trong khi đó doanh thu tài chính chỉ tăng 11.9 tỷ đồng; chi phí tài chính Quý III/2016 tăng chủ yếu là do việc thoái vốn tại Công ty CP thủy sản Viễn Đông.

4. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn; Xã Ba; Huyện Đông Giang; Tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.12 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị sổ sách	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.954.320.227	12.780.035.623
Đầu tư ngắn hạn	2.661.000.000	6.992.000.000
Phải thu khách hàng	35.545.779.744	39.981.811.756
Các khoản phải thu khác	37.427.934.995	571.262.303.601
Ký quỹ dài hạn	33.000.000	33.000.000
Cộng	77.622.034.966	631.049.150.980
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	2.615.632.427	64.118.433.764
Phải trả người bán	1.414.311.848	2.025.932.748
Cộng	4.029.944.275	66.144.366.512

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn; Xã Ba; Huyện Đông Giang; Tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do hoạt động kinh doanh đồ gia dụng, các hoạt động xây dựng và khai thác khoáng sản ở trong nước (Khu vực phía Bắc) được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá của cổ phiếu

Rủi ro về giá của cổ phiếu là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của các cổ phiếu sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành, nghề kinh doanh, công ty đầu tư... Theo tình hình thị trường hiện nay, Công ty đánh giá giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn, các khoản cho vay ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng...).

Phải thu khách hàng

Hoạt động kinh doanh của Công ty hiện nay chủ yếu được chia làm 3 hoạt động chính: lĩnh vực thương mại (mua bán đồ gia dụng); chủ yếu thu tiền ngay; hoạt động xây dựng và khai thác khoáng sản: Công ty thực hiện giao thầu thi công, khai thác cho đơn vị bên ngoài do đó công nợ phải thu khách hàng tương ứng với công nợ phải trả nhà thầu, đơn vị khai thác bên ngoài, điều kiện thanh toán theo tiến độ công việc hoàn thành. Công ty tin tưởng rằng không có rủi ro tín dụng trọng yếu đối với khoản phải thu khách hàng.

Các khoản cho vay ngắn hạn

Công ty cho các cá nhân vay, mượn tiền trong vòng 1 năm với lãi suất 10.5%/năm. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các cá nhân có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn; Xã Ba; Huyện Đông Giang; Tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ thuê tài chính	2.615.632.427	-	-	2.615.632.427
Phải trả người bán	1.414.311.848	-	-	1.414.311.848
Cộng	4.029.944.275	-	-	4.029.944.275
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản TĐ tiền	1.954.320.227	-	-	1.954.320.227
Đầu tư ngắn hạn	2.661.000.000	-	-	2.661.000.000
Phải thu khách hàng	35.545.779.744	-	-	35.545.779.744
Các khoản phải thu khác	37.427.934.995	-	-	37.427.934.995
Ký quỹ ngắn hạn	33.000.000	-	-	33.000.000
Cộng	77.622.034.966	-	-	77.622.034.966
Chênh lệch thanh khoản thuần cuối kỳ	73.592.090.691	-	-	73.592.090.691
Số đầu kỳ				
Vay và nợ thuê tài chính	64.118.433.764	-	-	64.118.433.764
Phải trả người bán	2.025.932.748	-	-	2.025.932.748
Cộng	66.144.366.512	-	-	66.144.366.512
Số đầu kỳ				
Tiền và các khoản TĐ tiền	12.780.035.623	-	-	12.780.035.623
Đầu tư ngắn hạn	6.992.000.000	-	-	6.992.000.000
Phải thu khách hàng	39.981.811.756	-	-	39.981.811.756
Các khoản phải thu khác	571.262.303.601	-	-	571.262.303.601
Ký quỹ ngắn hạn	33.000.000	-	-	33.000.000
Cộng	631.049.150.980	-	-	631.049.150.980
Chênh lệch thanh khoản thuần đầu kỳ	564.904.784.468	-	-	564.904.784.468

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn; Xã Ba; Huyện Đông Giang; Tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

4. Thông tin so sánh

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

Quảng Nam; ngày 29 tháng 10 năm 2016



Vũ Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Lê Khiếu Phương
Kế toán trưởng

Trương Văn Thịnh
Người lập biểu